TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : 390/2017/DS-ST
Ngày: 03/5/2017
Về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 TP. HỒ CHÍ MINH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Hoài Nam Phương.

- *Hội thẩm nhân dân:*

1/- Bà Đặng Thị Ngọc Hằng.
2/- Bà Nguyễn Thị Vân Hồng

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:*
Bà Phan Thị Dung - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 3 TP. Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Lê Mộng Điệp – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2017 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự và tuyên án vào lúc 10 giờ 00 phút ngày 03/5/2017 theo hồ sơ số thụ lý số 126/2017/TLST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2017/QĐXXST-DS ngày 04/04/2017 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T Sinh năm: 1974
Địa chỉ: Số XYZ Nguyễn Văn Lạc, phường 19, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Ngọc Kim C – đại diện theo Văn bản ủy quyền ngày 03/01/2017 (có mặt).

Bị đơn: Bà Phan Đình Trâm A Sinh năm: 1975
Đia chỉ: Số HIK Điện Biên Phủ, Phường 6, Quận 3,Thành phố Hồ Chí Minh.
(có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu T.
Trụ sở: Số 2 TS, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Phan Đình Trâm A (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/01/2017, bản tự khai và các biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có bà Trần Ngọc Kim C đại diện trình bày:

Ngày 09/7/2016 bà Nguyễn Thị T có cho bà Phan Đình Trâm A mượn số tiền là 350.000.000 đồng, không có lãi suất, thời hạn mượn tiền từ 09/7/2016 đến 09/8/2016.

Ngày 14/7/2016 bà Nguyễn Thị T tiếp tục cho bà Phan Đình Trâm A mượn số tiền là 50.000.000 đồng với thời hạn mượn tiền từ 14/7/2016 đến 23/7/2016. Việc vay mượn này không có tính lãi suất.

Tuy nhiên đến hết thời hạn mượn tiền trên cả hai giấy mượn tiền nói trên bà Nguyễn Thị T đã nhiều lần đến gặp bà Phan Đình Trâm A yêu cầu hoàn trả lại cho bà T toàn bộ hai số tiền nêu trên nhưng bà Phan Đình Trâm A vẫn không hoàn trả. Tổng số tiền bà Phan Đình Trâm A còn nợ bà Nguyễn Thị T là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Nay bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phan Đình Trâm A hoàn trả cho bà Trinh số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) và không yêu cầu bà Trâm A phải trả tiền lãi đối với số tiền trên. Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải có trong hồ sơ vụ án Bị đơn bà Phan Đình Trâm A trình bày: bà xác nhận có vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 350.000.000 đồng ngày 09/7/2016 thời hạn vay từ ngày 09/7/2016 đến 09/8/2016 và số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 14/7/2016 thời hạn vay tiền từ 14/7/2016 đến 23/7/2016. Bà đã nhận đủ số tiền vay là 400.000.000 đồng và đã ký xác nhận số tiền nêu trên tại mặt sau của giấy mượn tiền đề ngày 14/7/2016. Bà vay số tiền nêu trên với mức lãi suất là 7%/tháng, bà đã trả lãi được 2 tháng nhưng bà không có chứng từ nào thể hiện.

Các giấy tờ vay mượn được ký giữa bà và bà Nguyễn Thị T do bà có sẵn loại giấy in tiêu đề của Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu T và do thói quen nên bà đóng dấu công ty vào. Bà cũng xác nhận bà vay số tiền trên là vay cho cá nhân của bà không phải vay trên danh nghĩa của Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu T. Vì vậy về khoản vay này Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu T không có liên quan gì.

Bà xác nhận số nợ 400.000.000 đồng còn nợ bà Nguyễn Thị T và đồng ý trả nợ, nhưng do khó khăn nên bà không thể trả nợ được. Bà đề nghị cho bà trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng trong năm đầu, từ năm thứ 2 bà thu xếp cân đối trả nhiều hơn (Nhưng bà Trâm A không dự tính được phương thức trả nợ cụ thể

sau đó).

Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải có trong hồ sơ vụ án Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu T có bà Phan Đình Trâm A là người đại diện theo pháp luật trình bày: Việc bà Phan Đình Trâm A vay số tiền 400.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị T là vay mượn cá nhân, không có liên quan gì đến Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu T. Do đó Công ty T không có liên quan và không có ý kiến gì trong vụ tranh chấp này, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đề nghị cá nhân bà Phan Đình Trâm A có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị T.

Tại phiên toà hôm nay:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Ngọc Kim C trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án xét xử buộc bà Phan Đình Trâm A hoàn trả cho bà T số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi cho số tiền trên. Yêu cầu bà Phan Đình Trâm A phải thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Phan Đình Trâm A trình bày: Bà xác nhận còn nợ bà Nguyễn Thị T số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng). Nhưng do hiện nay bà rất khó khăn do công ty làm ăn thua lỗ nên bà đề nghị cho bà trả dần mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu đồng) đồng trong năm đầu, từ năm thứ 2 bà thu xếp cân đối trả nhiều hơn (Nhưng bà Trâm A không dự tính được phương thức trả nợ cụ thể sau đó).

Người có nguyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu T có bà Phan Đình Trâm A là người đại diện theo pháp luật trình bày: Việc bà Phan Đình Trâm A vay số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) của bà Nguyễn Thị T là vay mượn cá nhân, không có liên quan gì đến Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu T do đó cá nhân bà Phan Đình Trâm A có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị T. Công ty Thành Đ không có liên quan trong việc vay mượn giữa bà Nguyễn Thị T và cá nhân bà Phan Đình Trâm A, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật,.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng quy định.Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Cụ thể buộc bị đơn bà Phan Đình Trâm A phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T số tiền là 400.00.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Bà Trâm A có trách nhiệm thanh toán một lần, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Phan Đình Trâm A có địa chỉ cư trú tại Quận 3. Căn cứ qui định tại Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét Giấy mượn tiền đề ngày 09/7/2016 có nội dung bà Phan Đình Trâm A mượn của bà Nguyễn Thị T số tiền là 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn mượn tiền là 9/7/2016 đến 9/8/2016 và Giấy mượn tiền đề ngày 14/7/2016 có nội dung bà Phan Đình Trâm A mượn của bà Nguyễn Thị T số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng thời hạn mượn là từ ngày 14/7 đến 23/7/2016), cả hai giấy mượn tiền đều có chữ ký xác nhận của người mượn tiền là bà Phan Đình Trâm Anh có đóng dấu của Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu T và không có nội dung về lãi suất. Tại mặt sau của giấy mượn tiền đề ngày 14/7/2017, bà Phan Đình Trâm A có ký xác nhận đã nhận đủ số tiền bốn trăm triệu đồng (400.000.000 đồng) của bà Nguyễn Thị T. Tại Tòa án, bị đơn - bà Phan Đình Trâm A cũng xác nhận chữ ký trên cả hai giấy mượn tiền nêu trên và chữ ký trên mặt sau của Giấy mượn tiền đề ngày 14/7/2016 là của bà và xác nhận đây là khoản vay cá nhân của bà không liên quan đến Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu T.

Xét lời khai của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu T xác định việc sử dụng con dấu của Công ty đóng lên chữ ký của bà Trâm A trong hai giấy mượn tiền là do thói quen chứ Công ty không liên quan và xác định việc vay tiền là việc vay mượn cá nhân của bà Trâm A, không có liên quan gì đến Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu T, đề nghị cá nhân bà Phan Đình Trâm A có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị T. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên trên, đã có đủ cơ sở xác định bị đơn bà Phan Đình Trâm A có vay của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T số tiền 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay từ ngày 9/7/2016 đến ngày 9/8/2016 (theo giấy mượn tiền đề ngày 09/7/2016) và 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) thời hạn vay từ ngày 14/7/2016 đến ngày 23/7/2016 (theo giấy mượn tiền đề ngày 14/7/2016); tổng cộng số tiền vay là 400.000.000 đồng (bốn

trăm triệu đồng). Đến nay đã hết thời hạn trả nợ nhưng bà Trâm A đã không thực hiện việc trả tiền. Căn cứ Khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005, việc nguyên đơn – bà T yêu cầu buộc bị đơn – bà Trâm A phải trả hai khoản tiền vay tổng cộng là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở để chấp nhận.

Về việc bị đơn bà Trâm A yêu cầu thanh toán số tiền vay cho nguyên đơn bà T theo cách thức là mỗi tháng trả 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) trong năm đầu, từ năm thứ hai bà thu xếp cân đối trả nhiều hơn (Nhưng bà Trâm A không dự tính được phương thức trả nợ cụ thể sau đó) không được nguyên đơn chấp nhận. Bên cạnh đó như đã nhận định thì thời hạn trả nợ đã hết nên yêu cầu về cách thức thanh toán của bị đơn bà Trâm A là không có cơ sở.

Về tiền lãi: Do nguyên đơn – bà Nguyễn Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí DSST: Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị T được chấp nhận nên không phải chịu án phí.
- Xét bị đơn – bà Phan Đình Trâm A phải trả cho bà Nguyễn Thị Tsố tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) nên phải chịu án phí là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Khoản 1, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Phan Đình Trâm A phải trả cho bà Nguyễn Thị T số nợ gốc là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

Thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên phải thi hành án không thực hiện đúng việc thanh toán tiền, thì bên phải thi hành án phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí:

Bà Phan Đình Trâm A phải chịu án phí DSST là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền án phí đã tạm nộp 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) theo biên lai số AC/2014/0003380 ngày 10/02/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND TP HCM
- VKSND Quận 3
- Chi cục THA Dân sự Quận 3
- Các đương sự
- Lưu VP, Hồ sơ.

Nguyễn Hoài Nam Phương